**KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TRUNG HỌC CƠ SƠ CẤP HUYỆN**

**NĂM HỌC 2020 - 2021**

**ĐÁP ÁN - HƯỚNG DẪN MÔN ĐỊA LÍ**

**ĐỀ DỰ BỊ**

*(Gồm có 04 trang)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Kiến thức và kĩ năng cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1**  *(2,0 điểm)* | **Giờ, ngày tại các địa điểm** | **2,0** |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Địa điểm** | **Kinh độ** | **Giờ** | **Ngày, tháng** | | Luân Đôn (Anh) | 00Đ | 9 giờ | 30/6/2019 | | Tô-Ky-Ô (Nhật Bản) | 1350Đ | 18 giờ | 30/6/2019 | | Niu-Đê-Li (Ấn Độ) | 750Đ | 14 giờ | 30/6/2019 | | Xít-Ni (Ốt-Xtrây-Li-A) | 1500Đ | 20 giờ | 30/6/2019 | | Oa-Sinh-Tơn (Mỹ) | 750T | 4 giờ | 30/6/2019 | | Lốt-An-Giơ-Lét (Mỹ) | 1200T | 1 giờ | 30/6/2019 | | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 2**  *(4,0 điểm)* | **a. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm** | **2,0** |
| - Tính chất nhiệt đới  + Nước ta nằm trong vành đai khí hậu nhiệt đới nên nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn.  + Bình quân 1m2 lãnh thổ nhận dược trên một triệu kilôcalo, số giờ nắn đạt 1.400 - 1.300 giờ trong một năm.  + Nhiệt độ trung bình năm là trên 210C và tăng dần từ Bắc vào Nam.  - Tính chất gió mùa  + Khí hậu nước ta chia làm hai mùa rõ rệt, phù hợp với hai mùa gió.  + Mùa đông lạnh và khô với gió mùa đông bắc, mùa hạ nóng ẩm với gió mùa tây nam.  - Tính chất ẩm  + Gió mùa mang đến cho nước ta một lượng mưa lớn 1.500mm-2.000mm/năm.  + Một số nơi lượng mưa hàng năm rất cao như: Hà Giang 4802mm, Lào Cai 3.551mm, Huế, Móng Cái …  + Độ ẩm không khí cao trên 80%. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
|  | **b. Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa là do** | **2,0** |
|  | + Vị trí nước ta nằm ở vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu hằng năm, lãn thổ nước ta nhận được lượng bức xạ lớn do góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi trong năm có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh.  + Giáp biển đông – nguồn dự trữ nhiệt ẩm dồi dào, các khối khí di chuyển qua biển đã mang lại cho nước ta một lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao.  + Là cầu nối giữa đất liền và biển.  + Vị trí địa lí nằm ở khu vực hoạt động gió mùa của châu Á. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **Câu 3** *(4,0 điểm)* | **a. Tính tỉ lệ % độ che phủ rừng so với diện tích đất liền (làm tròn là 33 triệu ha)** | **1,0** |
| - Công thức tính:  Diện tích rừng ở từng năm x 100  Độ che phủ rừng (%) =  Diện tích đất tự nhiên    14,3 triệu ha x 100  Độ che phủ rừng (%) năm 1943 = = 43,3%  33 triệu ha  - Kết quả:  + Năm 1943: 43,3%  + Năm 1993: 26,1%  + Năm 2001: 35,8% | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **b. Nhận xét về xu hướng biến động của diện tích rừng Việt Nam** | **1,0** |
| - Từ năm 1943- 1993 diện tích rừng Việt Nam giảm 5,7 triệu ha do nhiều nguyên nhân.  - Từ năm 1993- 2001 diện tích rừng Việt Nam tăng 3,2 triệu ha chủ yếu do đẩy mạnh công tác trồng rừng. | 0,5  0,5 |
| **c. Nguyên nhân, biện pháp** | **2,0** |
| *-* Nguyên nhân:  + Cháy rừng.  + Phá rừng làm nương rẫy.  + Chiến tranh hủy diệt.  + Khai thác quá mức …  *-* Biện pháp:  + Trồng rừng.  + Phòng chống cháy rừng, đốt rừng.  + Ngăn chặn phá rừng.  + Tăng cường công tác quản lí, bảo vệ rừng … | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 4** *(5,0 điểm)* | **Ý nghĩa của việc hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp ở nước ta.** | **2,0** |
| - Góp phần khai thác tốt hơn điều kiện sinh thái nông nghiệp và điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau giữa các vùng.  - Tạo ra vùng nguyên liệu tập trung, ổn định để phát triển các ngành công nghiệp chế biến.  - Nâng cao hiệu quả kinh tế và giải quyết việc làm.  - Ý nghĩa khác…  ***Lưu ý:*** *Đây là câu hỏi mở, tuỳ vào cách trả lời của thí sinh để chấm điểm. Tuy nhiên, cần tập trung bám sát vào các gợi ý trên.* | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| **So sánh hướng chuyên môn hoá trong sản xuất cây công nghiệp giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên** | **3,0** |
| ***\* So sánh:***  *- Giống nhau:*  Cả hai vùng đều có hướng chuyên môn hoá chính là chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.  *- Khác nhau:*  + Trung du và miền núi Bắc Bộ: cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.  + Tây Nguyên: cây công nghiệp nhiệt đới.  ***\* Giải thích:***  - Trung du và miền núi Bắc Bộ:  + Địa hình: Núi, cao nguyên, đồi thấp.  + Đất đai: đất feralit đỏ vàng, phù sa cổ.  + Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, chịu ảnh hưởng sâu sắc của điều kiện địa hình vùng núi (nên vào mùa đông khí hậu của vùng mang tính cận nhiệt đới, ôn đới trên núi).  - Tây Nguyên:  + Địa hình: Các cao nguyên rộng lớn ở các độ cao khác nhau.  + Đất đai: quan trọng nhất là đất badan với tầng phong hoá sâu tập trung thành vùng rộng.  + Khí hậu: mang tính cận xích đạo gió mùa phân hoá thành hai mùa mưa, khô rõ rệt; nền nhiệt cao quanh năm.  ***Lưu ý:*** *Thí sinh có cách trả lời khác nếu đúng và đầy đủ vẫn cho điểm tối đa.* | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 5**  *(5,0 điểm)* | **a. Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2015** | **3,0** |
| - Xử lý số liệu (%)  *Bảng số liệu thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo ngành kinh tế của nước ta, năm 2000 và năm 2015 (Đơn vị: %)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **Nông - Lâm - Ngư nghiệp** | **Công nghiệp - Xây dựng** | **Dịch vụ** | **Tổng số** | | 2000 | 24,6 | 36,7 | 38,7 | 100 | | 2015 | 18,2 | 38,6 | 43,2 | 100 |   - Tính bán kính của đường tròn và  + 1 đơn vị bán kính  + **=** 2,4 đơn vị bán kính  - Vẽ hai biểu đồ tròn có bán kính năm 2015 > bán kính năm 2000. Vẽ đúng số liệu %, có chú thích, tên biểu đồ.  ***Lưu ý:*** *Vẽ không chính xác trừ 0,5 điểm, thiếu tên biểu đồ hoặc chú thích trừ 0,25 điểm.*  **Biểu đồ thể hiện quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế của nước ta năm 2000 và năm 2015**   |  |  | | --- | --- | | **Năm 2000** | **Năm 2015** |   Nông – Lâm – Ngư nghiệp  Công nghiệp – Xây dựng  Dịch vụ | 0,25  0,5  0,5  0,25  0,25  1,0  0,25 |
| **b. Nhận xét và giải thích sự thay đổi quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế từ năm 2000 – 2015 ở nước ta.** | **2,0** |
| **- Nhận xét:**  + Từ năm 2000 đế năm 2015 quy mô tổng sản phẩm trong nước theo ngành kinh tế tăng nhanh, tăng 5,76 lần (tăng 2.104,2 nghìn tỉ đồng).  + Cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành có sự thay đổi khá mạnh: các ngành nông – lâm – ngư nghiệp giảm 6,4%; các ngành công nghiệp – xây dựng tăng chậm 1,9%, dịch vụ tăng 4,5% và chiếm tỉ trọng cao nhất (năm 2015 chiếm 43,2%).  **- Giải thích:**  + Trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2015 có sự thay đổi về quy mô, cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành kinh tế là do đất nước ta bước vào công cuộc đổi mới.  + Kinh tế ngày càng phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |

**HẾT**